

Bản án số: 534/2019/HS-PT

Ngày: 18 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 172/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Võ Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Văn T; Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1977 tại tỉnh Tây Ninh; Giới tính: Nam; Thường trú: 199E/2 Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm dịch vụ in ấn; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Y (đã chết) và bà Phạm Thị T1 (đã chết); Có vợ tên Nguyễn Ngọc D2 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt)

(Ngoài ra trong vụ án còn có 05 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/9/2017, Tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng - Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Trần Hữu T2 sử dụng xe gắn máy biển số 59V2-46795 chở hai thùng carton bên trong chứa 230 hộp (loại 6 lọ/hộp) thuốc tân dược giả nhãn hiệu Vitamin C Laroscorbine do Công ty Bayern sản xuất. T2 khai nhận số thuốc này là do T2 làm giả cho Trần Thị Minh H đang đi đến Bến xe Miền Đông để giao cho đối tượng tên S ở Phú Yên.

Cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Trần Thị Minh H và chồng là Trần Hữu Đ, tại địa chỉ: Phòng 608 lầu 6 Lô C Chung cư L, Quận X11, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện, thu giữ 229 hộp Phenobarbital 0,1g (10 viên/vỉ, 10 vỉ/hộp) và 93 lọ Aminazin 25g (dạng viên).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Hữu T2 tại nhà không số, hẻm 364/8 Khu phố 5 đường T, Phường T, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện, thu giữ 350 hộp thuốc tân dược giả nhãn hiệu Voltaren 75mg đã thành phẩm cùng nhiều nguyên liệu, công cụ phương tiện sản xuất thuốc tân dược giả.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Kim P tại nhà số 793/28/23B T, phường T, Quận X7, thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện, thu giữ được một số lượng vỏ hộp thuốc hiệu Laroscorbine, Bencozyme và hướng dẫn sử dụng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại Công ty TNHH in ấn Q, địa chỉ 330/20 N, Phường X12, Quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi Võ Văn T thuê in ấn bao bì thuốc tân dược giả cho Trần Thị Minh H. Phát hiện, thu giữ được một số khuôn bế dùng để cắt bìa hộp thuốc; một số lượng bao bì, giấy hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu Laroscorbine Vitamin C 1g/5ml.

Mở rộng điều tra, ngày 22/9/2017 tiến hành khám xét khẩn cấp tại:

Nơi ở của Dương Hồng S, địa chỉ: nhà không số Tổ 3, Khu phố L, Phường X8, Thành phố T, Tỉnh Phú Yên, phát hiện, thu giữ một số lượng lớn thuốc tân dược giả nhãn hiệu và vỏ hộp thuốc các loại.

Nơi ở của Nguyễn Đình T3, địa chỉ: số 24 N, Phường B, Thị xã A, Tỉnh Bình Định, phát hiện và thu giữ một số lượng lớn thuốc tân dược giả nhãn hiệu và vỏ hộp thuốc các loại.

Ngày 03/11/2017, bà Trương Thị X, ngụ tại 285/83/3 C, Phường X12, Quận X10, Tp. Hồ Chí Minh giao nộp một số lượng thuốc nhãn hiệu Becozyme, Voltaren, Laroscorbine mua của Trần Thị Minh H.

Qua điều tra xác định:

Trần Thị Minh H bắt đầu tiến hành tổ chức sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả nhãn hiệu nước ngoài (gọi tắt là thuốc giả) từ khoảng tháng 10/2016 đến khi bị phát hiện, bắt giữ ngày 20/09/2017. Việc sản xuất, buôn bán thuốc giả thực hiện như sau:

Khoảng tháng 10/2016, qua mối quan hệ xã hội H quen Võ Văn T, biết T chuyên làm dịch vụ in ấn bao bì nên đặt Võ Văn T in bao bì, nhãn mác thuốc tân dược giả, cụ thể: H đưa cho T mẫu vỏ hộp thuốc tân dược gồm vỏ hộp thuốc, tem dán trên ống thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng nhãn hiệu thuốc nước ngoài (gọi tắt là thuốc thật). T thiết kế file theo mẫu rồi đưa lại cho H kiểm tra; khi thấy giống mẫu thuốc thật H đồng ý thì T sẽ đặt in hàng loạt. Sau khi in xong, T giao bao bì thuốc giả cho H và nhận 60.000.000đ tiền công (không có giấy tờ sổ sách hay biên nhận). T đã in và giao cho H số lượng bao bì thuốc giả như sau: 5000 vỏ bao bì thuốc nhãn hiệu Laroscorbine, 5000 vỏ hiệu Voltaren, 5000 vỏ hiệu

Bencozyme, 5000 vỏ hiệu Terneurine H5000, 5000 vỏ hiệu Laroscorbine 500mg, kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng và tem dán trên ống thuốc nhãn hiệu tương ứng và có 1 lần đặt 5000 vỏ Temeusine H5000 nhưng không dùng được.

Sau khi có bao bì, trực tiếp H đi hoặc giao Trần Hữu T2 đi mua các loại thuốc tân dược do Việt Nam sản xuất (gọi tắt là thuốc nội) tại các cửa hàng trong trung tâm thương mại Dược phẩm và Trang thiết bị y tế, địa chỉ: 134/01 T, cư xá B, Phường X15, Quận X10, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó mang về giao cho Trần Hữu T2 sản xuất thuốc giả bằng cách gỡ nhãn mác, bao bì thuốc nội rồi dán tem, nhãn thuốc được in giả lên ống thuốc vào vỏ hộp thuốc tân dược giả nhãn hiệu do nước ngoài sản xuất, thành hộp thuốc giả thành phẩm. Cụ thể H trực tiếp sản xuất và buôn bán 03 loại thuốc tân dược giả gồm: Thuốc giả nhãn hiệu Bencozyme: H mua thuốc hiệu Bencozyme do Việt Nam sản xuất (không nhớ tên hãng cụ thể) mua ở cửa hàng Thiên Khánh, sau đó mang về giao Trần Hữu T2 tách vỏ bao bì, dán vỏ bao bì giả để thành thuốc giả thành phẩm; Tương tự, Thuốc giả nhãn hiệu Laroscorbine: H mua thuốc Vitamin C hiệu Cevit do Vidipha sản xuất, mua tại Cửa hàng đại lý Vidipha để sản xuất thuốc giả thành phẩm; Thuốc giả nhãn hiệu Voltaren: H mua thuốc Diclophenac do Việt Nam sản xuất mua ở cửa hàng Thiên Khánh để sản xuất thuốc giả thành phẩm. Các thuốc giả thành phẩm xong H yêu cầu T2 đem hàng đến Bến xe Miền Đông hoặc ga Sài Gòn gởi cho xe khách chuyển đi các tỉnh cho khách. Trần Thị Thị Minh H thuê Trần Hữu T2 trực tiếp sản xuất thuốc tân dược giả từ khoảng tháng 2/2017, trả tiền công cho T2 khoảng 7.000.000 đồng/tháng. H không cho T2 biết giá mua, bán các mặt hàng thuốc giả, cũng không cho biết khách mua hàng là ai vì giao hàng gởi Bến xe.

Trung bình mỗi tháng H bán khoảng 20 - 30 hộp thuốc giả với giá: Becozyme bán 32.000đ/hộp, sau khi trừ chi phí lời khoảng 900đ/hộp; Voltaren bán 35.000đ/hộp, lời khoảng 1.300đ/hộp; Laroscorbine bán 32.000đ/hộp, lời khoảng 1.000đ/hộp. Việc mua bán không lập sổ sách, giấy tờ theo dõi và bán thuốc giả chung với thuốc thật nên H không nhớ chính xác số lượng thuốc giả đã sản xuất, tiêu thụ, mà khai nhận: mỗi tháng bán khoảng 30 hộp thuốc giả các loại, thu được số tiền khoảng 1.000.000đ, sau khi trừ chi phí H còn hưởng lợi số tiền khoảng 200.000đ đến 300.000đ mỗi tháng.

Thuốc giả sau khi sản xuất, Trần Thị Minh H đưa đi tiêu thụ bằng cách gửi bán đi tỉnh, cụ thể: bán cho Dương Hồng S ở Phú Yên, Nguyễn Đình T3 ở Bình Định và đối tượng tên Trường không rõ lai lịch ở Nam Định. Ngoài ra, vào khoảng tháng 8/2017, H có chào bán cho bà Trương Thị X là người quen của H khoảng 200 hộp thuốc giả các loại gồm Laroscorbine, Voltaren, Bencozyme (nhưng không nói cho bà X biết đây là thuốc giả do H sản xuất). Khi cần đặt mua hàng thì các đối tượng này gọi số điện thoại của H số 0902719345 hoặc số điện thoại của Trần Hữu Đ: 0937393773 (chồng H). Sau khi có người đặt hàng thì H mới yêu cầu Trần Hữu T2 tiến hành sản xuất thuốc giả và T2 mang ra Bến xe miền Đông gửi cho khách (bán cùng các nhãn hiệu thuốc thật khác). Khách trả tiền cho H bằng cách chuyển tiền vào tài khoản số 0103888380 mở tại Ngân

hàng Đông Á, hoặc tài khoản tại Ngân hàng ViettinBank (tài khoản này chỉ giao dịch với Nguyễn Đình T3).

Việc sản xuất, buôn bán thuốc giả nêu trên của Trần Thị Minh H, có sự tham gia, giúp sức của Võ Văn T là người in ấn bao bì thuốc tân dược giả cho H để sử dụng sản xuất thuốc giả. Sau khoảng 7 ngày H đưa mẫu, T tiến hành thuê người thiết kế lại (các cửa hàng cho thuê máy vi tính, không nhớ rõ nơi thuê) rồi đưa H duyệt, khi H đồng ý mẫu đã thiết kế thì T mua giấy nguyên liệu đưa đến Công ty in ấn Q, địa chỉ số 336/20 N, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để in bao bì. , H đã đặt T in ấn 05 loại bao bì thuốc tân dược giả như trên giao các loại bao bì tổng cộng 06 lần (1 lần bị hư không lấy), số lượng khoảng 30.000 vỏ hộp các loại, với giá 60.0000.000đ, thu lợi số tiền là 9.910.000đ. T biết H thuê T in bao bì để sản xuất thuốc tân dược giả, vì khi H đặt in bao bì thuốc, T yêu cầu cung cấp giấy phép in ấn bao bì của thuốc thì H nói không có, T báo in để làm hàng giả thì giá cao hơn 10%, H đồng ý. T đã cộng thêm 10% trên giá in ấn.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 38/2019/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Minh H, Trần Hữu Đ, Trần Hữu T2, Dương Hồng S, Nguyễn Đình T3; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Võ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Võ Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khẳng định chỉ thỏa thuận một đơn hàng duy nhất cho bị cáo H với tổng giá trị 60.000.000 đồng như án sơ thẩm nêu. Ngoài ra không làm bất cứ đơn hàng nào khác cho H. Vì đơn hàng có nhiều mẫu in khác nhau nên giao hàng cho H nhiều lần và có mẫu làm không đạt phải làm lại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo giảm án và được hưởng án treo để các bị cáo phụ giúp gia đình. Bị cáo xin trình bày các lý do xin xin giảm án và hưởng án treo gồm:

- Bị cáo có nhân thân tốt và chưa có tiền án tiền sự; Tại nơi cư trú bản thân bị cáo và gia đình bị cáo đều chấp hành tốt pháp luật.
- Quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về những gì đã thực hiện.
- Bị cáo có nhiều người thân ruột thịt trong gia đình có công với đất nước.

- Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ khoản tiền thu lợi từ việc làm trái pháp luật.

- Mức án Tòa sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là 3 năm tù thuộc trường hợp được xem xét cho hưởng án treo.

- Hiện tại gia đình bị cáo lâm vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vợ mắc bệnh nặng và điều trị tại bệnh viện. Bị cáo là lao động chính, hai con còn nhỏ, gia đình phải cầm cố nhà cho Ngân hàng để vay tiền chữa bệnh cho vợ. Bị cáo bị chấp hành hình phạt giam làm ảnh hưởng tất cả các thành viên gia đình bị cáo. Bị cáo khẩn thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tính khoan hồng của pháp luật cho bị cáo hưởng án treo không những tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời mà còn cứu giúp cả gia đình người thân bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án đã cho rằng, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Văn T phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh” theo điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người đúng tội không oan. Xét thấy, với hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo H và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo T 03 năm tù là thỏa đáng và đúng người, đúng tội, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới để cấp phúc thẩm xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo để chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Bản thân bị cáo chỉ là đi làm thuê, do hám lợi không nghĩ hết hậu quả. Bị cáo không tham gia vào sự bàn bạc phân công của các bị cáo khác. Trong vụ án, bị cáo chỉ biết có mỗi mình bị cáo H, là người đến đặt thuê bị cáo làm bao bì. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm ghép cho bị cáo phạm tội có tổ chức là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo.

Viện kiểm sát tranh luận: Những vấn đề bị cáo bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Còn việc bị cáo nêu bào chữa cho rằng mình có phạm tội nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 157 thì đây là vấn đề cần xem xét, lưu ý thêm. Nhưng thực tế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, có nghĩa là đã áp dụng hình phạt theo khoản 1 Điều 157 nên đã đảm bảo cho những nội dung bị cáo nêu trong phần tự bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trần Thị Minh H bắt đầu tiến hành tổ chức sản xuất, buôn bán thuốc

tân dược giả nhãn hiệu nước ngoài (gọi tắt là thuốc giả) từ khoảng tháng 10/2016 đến khi bị phát hiện, bắt giữ ngày 20/09/2017. Việc sản xuất, buôn bán thuốc giả nêu trên của Trần Thị Minh H, có sự tham gia, giúp sức của Võ Văn T là người in ấn bao bì thuốc tân dược giả cho H để sử dụng sản xuất thuốc giả. Sau khoảng 7 ngày H đưa mẫu, T tiến hành thuê người thiết kế lại (các cửa hàng cho thuê máy vi tính, không nhớ rõ nơi thuê) rồi đưa H duyệt, khi H đồng ý mẫu đã thiết kế thì T mua giấy nguyên liệu đưa đến Công ty in ấn Q, địa chỉ số 336/20 N, Phường X12, Quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh để in bao bì. H đã đặt T in ấn 05 loại bao bì (mỗi loại giao 1 lần) thuốc tân dược giả T giao tổng cộng 06 lần (trong đó 1 lần bị đầu hư không lấy nên hoàn lại để qua lần 2), số lượng khoảng 30.000 vỏ hộp các loại, với giá 60.0000.000 đồng, thu lợi số tiền là 9.910.000 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã nhận định và xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội không oan. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ của hành vi thì bị cáo không được bàn bạc, cấu kết với các bị cáo khác mà thực hiện đơn lẻ theo đặt hàng của bị cáo H. Bị cáo không biết các bị cáo còn lại trong vụ án nên cho rằng hành vi của bị cáo thuộc vào điểm a khoản 2 Điều 157 “Phạm tội có tổ chức” là chưa có sự phân hóa hành vi trong một vụ án. Tuy vậy, như trong phần đối đáp vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên Hội đồng xét xử chỉ nhận định để cấp sơ thẩm lưu ý thêm.

Xét kháng cáo của bị cáo T về xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nói chung và hành vi phạm tội của bị cáo tuy là giúp sức cho bị cáo H nhưng là việc gián tiếp gây nguy hại tới sức khỏe của người sử dụng thuốc. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định của pháp luật hiện hành, xử phạt bị cáo T 03 năm tù là thỏa đáng, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Do vậy không có căn cứ xem xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù và không cho hưởng án treo là đúng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét thêm về hoàn cảnh gia đình bị cáo có vợ bị cáo đang bệnh nặng, hoàn cảnh gia đình bị cáo đang rất khó khăn, có con nhỏ, cha mẹ già. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình. Áp dụng thêm tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo T. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo T thành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 5 năm

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1/ Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Võ Văn T. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm tù. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

(Đã giải thích chế định án treo)

2/ Án phí hình sự phúc thẩm: Võ Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- BCTN (1);
- UBND thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Lưu (10) 19b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên